

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:25/2019/HS-ST
Ngày 17-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

2. Bà Hoàng Vạn Sinh.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại Phòng xét xử, Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **ĐẶNG MINH T**, sinh năm 1988, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: đường A, tổ dân phố B, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn lớp: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn Th và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Nguyễn Thị Thanh D và có 01 con sinh năm 2015; tiền án: có 04 tiền án. Tại bản án số 62/2005/HSST ngày 13-12-2005 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt Đặng Minh T 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 06-8-2006; tại bản án số 32/2008/HSST ngày 05-5-2008 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xử phạt Đặng Minh T 01 năm tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; tại bản án số 203/2008/HSPT ngày 19-9-2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt Đặng Minh T 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt 01 năm tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” tại bản án số 32/2008/HSST ngày 05-5-2008 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk. Hình phạt chung buộc bị cáo Đặng Minh T phải chấp hành là 06 năm tù, đã chấp hành xong hình phạt ngày 13-10-2013; tại bản án số 10/2015/HSST ngày 12-3-2015 của

Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xử phạt Đặng Minh T 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt ngày 05-8-2017; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19-02-2019, hiện đang giam giữ, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị Tố L, sinh năm 1985, vắng mặt;

2. Chị Nguyễn Thị Phượng L, sinh năm 1992, vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: tổ dân phố B, phường Th, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người làm chứng:

Bà Phạm Thị Ph, sinh năm 1960, vắng mặt.

Nơi cư trú: tổ dân phố B, phường Th, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 10-02-2019, Đặng Minh T đi bộ từ nhà đến tổ dân phố B, phường Th, thị xã B để xem hồ nào tưới cạn nước xin bắt cá. Khi đến thì không thấy ai, Đặng Minh T nghe có tiếng người nói chuyện ở vườn phía trên hồ nước nên T đi đến nhà có người nói chuyện để xin bắt cá thì thấy cửa sau mở nên đi vào trong nhà gọi “chú ơi, chú ơi” nhưng không có ai trả lời. Đặng Minh T nảy sinh ý định trộm cắp. T đi vào phòng ngủ phía tay trái thì thấy trên giường để 02 chiếc điện thoại di động cùng 02 chiếc giỏ xách. Đặng Minh T lấy 02 chiếc điện thoại bỏ vào giỏ xách rồi cầm đi ra ngoài theo hướng cửa sau, vừa ra đến cửa thì gặp chị Tố L đang đi từ vườn vào nhà, thấy T vừa trộm cắp tài sản trong nhà mình nên chị Tố L đã truy hô và cùng mọi người truy đuổi. Nghe tiếng truy hô, bị cáo liền nhảy qua hàng rào B40 rồi trốn vào vườn cà phê bên cạnh, chạy được khoảng 400m quan sát không thấy ai đuổi theo nên T dừng lại kiểm tra số tài sản vừa trộm cắp được thì thấy 02 chiếc điện thoại di động gồm 01 chiếc nhãn hiệu iphone 8 Plus và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iphone 5S, số tiền 1.400.000 đồng, thẻ ATM, 02 ví da, và một số vật dụng, giấy tờ khác trong giỏ. T lấy 02 chiếc điện thoại di động cầm trên tay còn số tiền 1.400.000 đồng nhét vào lưng quần và vứt bỏ giỏ xách cùng các vật dụng giấy tờ khác, tại rẫy cà phê rồi đi về nhà của mình. Khi về đến nhà, bị cáo phát hiện số tiền trộm cắp được đã bị rơi và lo sợ bị phát hiện nên tắt nguồn 02 chiếc điện thoại vừa trộm cắp được rồi cho vào túi ni lông đem qua vườn ông Nguyễn Thanh H cạnh nhà bị cáo cất giấu. Sau khi đuổi theo không được chị Nguyễn Thị Tố L sử dụng phần mềm định vị xác định chiếc điện thoại của mình bị mất ở vị trí nhà đường A, phường A nên trình báo cơ quan công an. Tại cơ quan cảnh sát điều tra biết không thể che giấu hành vi phạm tội của mình Đặng Minh T đã khai nhận hành vi phạm tội và đến nơi cất giấu điện thoại, nơi bỏ giỏ xách và dùng số tiền 1.400.000 đồng giao nộp cho cơ quan công an.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 04/HĐĐG ngày 12-02-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã B, kết luận: 01 điện thoại di động Iphone

8 Plus, 64GB, có giá trị: 15.992.000 đồng; 01 điện thoại di động Iphone 5S, 32GB, có giá trị: 2.317.500 đồng; 01 giỏ xách màu xám bằng vải, có giá trị: 300.000 đồng; 01 giỏ xách màu xanh đen, có giá trị: 250.000 đồng; 01 ví màu xanh có hoa văn, có giá trị: 50.000 đồng; 01 ví da màu hồng, có giá trị: 50.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị cáo đã trộm cắp được định giá là: 18.959.500 đồng.

Tổng giá trị bị cáo đã trộm cắp được của chị Nguyễn Thị Tố L và Nguyễn Thị Phụng L là 20.359.500 đồng (*Hai mươi triệu, ba trăm năm mươi chín ngàn, năm trăm đồng*).

Vật chứng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B thu giữ gồm: 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus, 64GB, màu Rose gold (vàng hồng), số imei: 354833090172855, được gắn vào bao da màu đỏ; 01 điện thoại di động Iphone 5S, màu Silver (màu bạc), 32GB, số imei: 013991005333153, gắn vào ốp lưng bằng nhựa màu đen; 01 giỏ xách màu xám bằng vải, kích thước 18,5 cm x 7,5 cm x 12,5 cm có nhiều hạt nhựa dạng đá, có dây đeo dạng sợi xích bằng kim loại màu vàng (bên trong có 01 thẻ tín dụng Visa của ngân hàng C, 01 thẻ ATM của ngân hàng V cùng mang tên Nguyễn Thị Tố L); 01 giỏ xách (túi đeo chéo) màu xanh đen, có dây đeo bằng vải kích thước 17,5cm x 06cm x 27cm; 01 ví màu xanh có hoa văn, kích thước 19 cm x 02 cm x 09 cm (trong ví có 01 giấy Chứng nhận đăng kí xe mô tô biển số 47C1-239.xx mang tên Nguyễn Thị Phụng L); 01 ví da màu hồng, kích thước 11,5 cm x 1,5 cm x 09 cm (trong ví có 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy Chứng minh nhân dân, 01 thẻ ATM của ngân hàng V, 01 thẻ ATM của ngân hàng E đều mang tên Nguyễn Thị Phụng L).

Bản cáo trạng số 25/CT-VKSBBH ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Đặng Minh T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ giữ quyền công tố trình bày luận tội và tranh luận xác định: Do ý thức coi thường pháp luật của Nhà Nước và động cơ tư lợi cá nhân, nên khoảng 09 giờ, ngày 10-02-2019 tại nhà đường H, tổ dân phố B, phường Th, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Đặng Minh T đã trộm cắp của chị Nguyễn Thị Tố L 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus, 64GB, 01 giỏ xách màu xám bằng vải và số tiền 700.000 đồng; trộm cắp của chị Nguyễn Thị Phụng L 01 điện thoại di động Iphone 5S, 32GB, 01 giỏ xách màu xanh đen, 01 ví màu xanh, 01 ví da màu hồng và số tiền 700.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo đã trộm cắp là 20.359.500 đồng (*Hai mươi triệu, ba trăm năm mươi chín ngàn, năm trăm đồng*). Bị cáo Đặng Minh T có 04 tiền án, chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội, do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Đặng Minh T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Minh T từ: **3** đến **4** năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Nguyễn Thị Tô L và chị Nguyễn Thị Phụng L đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã B đã giao trả: 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus, 64GB, màu Rose gold (vàng hồng), số imei: 354833090172855, được gắn vào bao da màu đỏ; 01 giỏ xách màu xám bằng vải, kích thước 18,5 cm x 7,5 cm x 12,5 cm có nhiều hạt nhựa dạng đá, có dây đeo dạng sợi xích bằng kim loại màu vàng; 01 thẻ tín dụng Visa của ngân hàng C; 01 thẻ ATM của ngân hàng V cùng mang tên Nguyễn Thị Tô L và số tiền 700.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Tô L; giao trả 01 điện thoại di động Iphone 5S, màu Silver (màu bạc), 32GB, số imei: 013991005333153, gắn vào ốp lưng bằng nhựa màu đen; 01 giỏ xách (túi đeo chéo) màu xanh đen, có dây đeo bằng vải kích thước 17,5cm x 06cm x 27cm; 01 ví màu xanh có hoa văn, kích thước 19 cm x 02 cm x 09 cm; 01 giấy Chứng nhận đăng kí xe mô tô biển số 47C1-239.52 mang tên Nguyễn Thị Phụng L; 01 ví da màu hồng, kích thước 11,5 cm x 1,5 cm x 09 cm; 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy Chứng minh nhân dân, 01 thẻ ATM của ngân hàng V, 01 thẻ ATM của ngân hàng E đều mang tên Nguyễn Thị Phụng L và số tiền 700.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Phụng L là các chủ sở hữu hợp pháp theo Quyết định xử lý vật chứng số 08 ngày 21-02-2019.

Tại phiên tòa bị cáo Đặng Minh T khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với hành vi mà nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo thừa nhận Viện kiểm sát truy tố và kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” là đúng. Bị cáo không tranh luận gì với đại diện viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đặng Minh T khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với hành vi mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ truy tố. Bị cáo thừa nhận vào khoảng 09 giờ, ngày 10-02-2019, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị Nguyễn Thị Tô L và Nguyễn Thị Phụng L với tổng

giá trị các tài sản và tiền là 20.359.500 đồng, do đó Viện kiểm sát truy tố và kết luận bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản là đúng, bị cáo không tranh luận gì với đại diện viện kiểm sát. Lời khai của bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai người làm chứng, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa. Bị cáo là người có khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của bản thân trong cuộc sống. Bị cáo biết được tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác đều bị xử lý bằng pháp luật, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp chiếm đoạt tài sản có tổng giá trị là 20.359.500 đồng. Bị cáo là người có 04 tiền án, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

g) Tái phạm nguy hiểm;

[3] Xét tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người bị hại, xâm hại đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra. Bị cáo là người có 03 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” và 01 tiền án về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, sau khi chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích, bị cáo trở về được tái hòa nhập cộng đồng, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân, sống có ích cho gia đình, xã hội mà tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt là tái phạm nguy hiểm. Do đó cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện dùng tiền của mình là 1.400.000 đồng giao nộp cho cơ quan điều tra để bồi thường thiệt hại cho người bị hại; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo được người bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Xét tính chất vụ án, tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo với xã hội một thời gian nhất định để bị cáo học tập, cải tạo trở thành người công dân ích cho gia đình và xã hội, đồng thời góp phần giáo dục phòng ngừa tội phạm chung và riêng trong toàn xã hội.

[7] Xét quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đặng Minh T phạm tội trộm cắp tài sản; đề nghị hình phạt được áp dụng đối với bị cáo; về bồi thường thiệt hại; về xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về bồi thường thiệt hại: Người bị hại là chị Nguyễn Thị Tố L và chị Nguyễn Thị Phụng L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã B đã giao trả: 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus, 64GB, màu Rose gold (vàng hồng), số imei: 354833090172855, được gắn vào bao da màu đỏ; 01 giỏ xách màu xám bằng vải, kích thước 18,5 cm x 7,5 cm x 12,5 cm có nhiều hạt nhựa dạng đá, có dây đeo dạng sợi xích bằng kim loại màu vàng; 01 thẻ tín dụng Visa của ngân hàng C; 01 thẻ ATM của ngân hàng V cùng mang tên Nguyễn Thị Tố L và số tiền 700.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Tố L; giao trả 01 điện thoại di động Iphone 5S, màu Silver (màu bạc), 32GB, số imei: 013991005333153, gắn vào ốp lưng bằng nhựa màu đen; 01 giỏ xách (túi đeo chéo) màu xanh đen, có dây đeo bằng vải kích thước 17,5cm x 06cm x 27cm; 01 ví màu xanh có hoa văn, kích thước 19 cm x 02 cm x 09 cm; 01 giấy Chứng nhận đăng kí xe mô tô biển số 47C1-239.xx mang tên Nguyễn Thị Phụng L; 01 ví da màu hồng, kích thước 11,5 cm x 1,5 cm x 09 cm; 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy Chứng minh nhân dân, 01 thẻ ATM của ngân hàng V, 01 thẻ ATM của ngân hàng E đều mang tên Nguyễn Thị Phụng L và số tiền 700.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Phụng L là các chủ sở hữu hợp pháp theo Quyết định xử lý vật chứng số 08 ngày 21-02-2019. Xét thấy việc xử lý vật chứng là phù hợp với khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo Đặng Minh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Đặng Minh T** phạm tội: “Trộm cắp tài sản” .

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Bị cáo Đặng Minh T: 03 năm 06 tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 19-02-2019.

- **Về xử lý vật chứng:** Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã B đã giao trả: 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus, 64GB, màu Rose gold (vàng hồng), số imei: 354833090172855, được gắn vào bao da màu đỏ; 01 giỏ xách màu xám bằng vải, kích thước 18,5 cm x 7,5 cm x 12,5 cm có nhiều hạt nhựa dạng đá, có dây đeo dạng sợi xích bằng kim loại màu vàng; 01 thẻ tín dụng Visa của ngân hàng C; 01 thẻ ATM của ngân hàng V cùng mang tên Nguyễn Thị Tô L và số tiền 700.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Tô L; giao trả 01 điện thoại di động Iphone 5S, màu Silver (màu bạc), 32GB, số imei: 013991005333153, gắn vào ốp lưng bằng nhựa màu đen; 01 giỏ xách (túi đeo chéo) màu xanh đen, có dây đeo bằng vải kích thước 17,5cm x 06cm x 27cm; 01 ví màu xanh có hoa văn, kích thước 19 cm x 02 cm x 09 cm; 01 giấy Chứng nhận đăng kí xe mô tô biển số 47C1-239.xx mang tên Nguyễn Thị Phụng L; 01 ví da màu hồng, kích thước 11,5 cm x 1,5 cm x 09 cm; 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy Chứng minh nhân dân, 01 thẻ ATM của ngân hàng V, 01 thẻ ATM của ngân hàng E đều mang tên Nguyễn Thị Phụng L và số tiền 700.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Phụng L theo Quyết định xử lý vật chứng số 08 ngày 21-02-2019.

- **Về án phí:** Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1, khoản 3 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đặng Minh T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- **Quyền kháng cáo:** Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Công an thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Anh